

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2019/HS-ST
Ngày 24-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Từ Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến, Kiểm sát viên

Trong các ngày 20 và 24 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 143/2019/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2019/HSST-QĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1994 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn D Ng, xã M L, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị D, sinh năm 1965; bị cáo có 01 anh ruột, sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/01/2012 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 2012/HSST; Ngày 15/02/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Vương Văn Đ, sinh năm 1997 tại tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Xóm H, xã U N, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vương Văn L, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961; bị cáo có 01 anh ruột, sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/02/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hồng Qu, sinh năm 1993, tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn L Qu, xã X N, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1969 và bà Đỗ Thị B, sinh năm 1972; bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1992; bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị B, sinh năm 1995, có 01 con ruột, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/9/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm cải tạo không giam giữ về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 238/2018/HS-ST, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Phạm Thế H, sinh năm 1994; thường trú: Xã Qu Th, huyện Qu Tr, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: Số 354/11B, khu phố Đ Ch, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Phạm Phi H, sinh năm 1970; thường trú: Ấp Ph Th 1, xã H Ph, huyện Ph M, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Khu phố Th Nh 2, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; thường trú: Ấp 10B, xã T Ph, huyện Gi R, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Khu phố Th Nh 2, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Ông Bạch Văn D, sinh năm 1964; thường trú: Số 3/9, khu phố B Đ 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Ông Đỗ Cúc M, sinh năm 1992; thường trú: Xã L Th, huyện Gi R, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Số 51/60, khu phố B Đ 4, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Ông Trình Đức B, sinh năm 1995; thường trú: Xóm S, xã Qu M, huyện Qu L, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1979; thường trú: Thôn N, xã Ngh Đ, huyện T L, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: Số 69/15, khu phố Nh Đ 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Nhật Tr, sinh năm 1983; thường trú: Tổ H, ấp L H A, xã B L, huyện Ch Th, tỉnh An Giang, có mặt.

9. Bà Hồ Thị Bích L, sinh năm 1986; chỗ ở: Số 30/1, khu phố T A, phường Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1997; thường trú: Thôn L M, xã Th H, huyện Th H, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Tổ MM, khu phố Ch L, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

11. Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1994; thường trú: Số 24/7, khu phố Đ B, phường Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

12. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1987; thường trú: Số 47/5, khu phố Đ A, phường Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Số 8/30 đường Tr Th X, khu phố Đ A, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Bình D, sinh năm 1994; chỗ ở: Ấp B, xã Kh L, huyện U M, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Khu phố Đ T, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

14. Ông Tạ Văn L, sinh năm 1995; thường trú: Ấp H Th, xã M H S, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Khu phố Gi D, phường L B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
15. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1995; thường trú: Ấp T Đ B, xã T B, huyện M C B, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.
16. Bà Hoàng Thị Ng, sinh năm 1987; thường trú: Xã C H, huyện C X, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Số B đường L Qu Đ, khu phố Th L 2, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt
17. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984; thường trú: Khu Ph Ch 1, thị trấn V L, huyện G C Đ, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Số 20/23B đường ĐT 743, khu phố T L, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
18. Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1982; thường trú: Số 129/3, khu phố Đ T, phường L Th, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
19. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984; thường trú: Thôn T Ph, xã T H, huyện Đ Tr, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Số SN, đường D1, khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
20. Bà Lê Bé B, sinh năm 1998; thường trú : Ấp Th L, xã Th Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.
21. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1985; thường trú: Đội T, Thôn V K, xã Qu V, huyện Qu X, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Tổ MH, khu phố Th Nh 2, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
22. Ông Trương Văn Ng, sinh năm 1991; thường trú: Xóm C, xã C Th, huyện Y Th, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.
23. Ông Hoàng Văn Ngh, sinh năm 1988; thường trú: Thôn Đ Ch, xã Đ Ph, huyện S D, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.
24. Bà Lâm Thị Thùy G, sinh năm 1988; thường trú: Số 25/3 M Đ Ch, xã V Th, huyện R Gi, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Số 19/8, khu phố B Đ 1, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
25. Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1989; thường trú: Thôn T X, xã Th H, huyện H H, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.
26. Ông Hà Văn H, sinh năm 1993; thường trú: Thôn Đ Ch, xã C Ph, huyện C Th, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.
27. Ông Khương Ngọc T, sinh năm 1972; thường trú: Tổ B, khu phố L Qu C, phường L Ph, thị xã T Ch, tỉnh An Giang, vắng mặt.
28. Ông Nguyễn Bảo Qu, sinh năm 1987; thường trú: Ấp B K, xã Th Đ, huyện Th H, tỉnh Long An; chỗ ở: Khu phố Đô T, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
29. Bà Phạm Thị Thùy D, sinh năm: 1993; thường trú: Số 36/6, khu phố Đ T, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
30. Ông Trần Quốc L, sinh năm: 1980; thường trú: Số 46A/11, khu phố T Ph, phường T B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
31. Ông Cao Xuân Đ, sinh năm: 1985; thường trú: Xóm Th Th, xã L Y, huyện H Kh, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Số 12A, khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

32. Bà Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1991; thường trú: Số 537/19A, khu phố Đ Th, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
33. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1989; thường trú: Thôn L H, xã Đ Ph, huyện M Đ, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Khu phố Đ T, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt
34. Nguyễn Thị D, sinh năm 1982; thường trú: Số 59/10, khu phố T B, phường Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
35. Ông Cao Kim L, sinh năm: 1983; thường trú: Số 201/1A, khu phố Đ A, phường T Đ H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
36. Ông Hà Văn H, sinh năm 1981; thường trú: Thôn T T 1, xã X Á, huyện V Y, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.
37. Ông Lang Văn B, sinh năm 1986; thường trú: Thôn Ph T, xã T Ph, huyện Qu Ph, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Số NB, đường số S, khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
38. Ông Nguyễn Đình Ngh, sinh năm 1993; thường trú: Thôn Đ, xã V K, huyện V L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
39. Ông Nguyễn Quý Th, sinh năm 1994; thường trú: 145/4, khu phố L Th, phường L Th, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
40. Bà Vy Thị H, sinh năm 1995; thường trú: Xóm B T, xã Y Kh, huyện C C, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.
41. Bà Trần Thị Sơn Tr, sinh năm 1981; thường trú: Khu phố B, phường T Ph, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
42. Bà Huỳnh Thị Cẩm Nh, sinh năm 1972; thường trú: Ấp Th H, xã Đ Th, huyện A M, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.
43. Bà Trương Thị Thu V, sinh năm 1959; thường trú: Khu phố Đ B, phường Đô H, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
44. Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1977; thường trú: Xã Đ Á 2, huyện Tr Đ, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.
45. Ông Võ Văn D, sinh năm 1995; thường trú: Xóm Th, xã U N, huyện Đ A, thành phố Hà Nội, vắng mặt.
46. Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1990; thường trú: Xóm , xã Th S, huyện Đ L, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.
47. Ông Phạm Ngọc C, sinh năm 1977; thường trú: Thôn B Đ, xã Đ Nh, huyện M Đ, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Số 778, Tỉnh lộ BB, khu phố B, phường B Ch, quận Th Đ, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.
48. Ông Châu Văn H, sinh năm 1950; thường trú: Ấp Ph H B, thị trấn C L D, huyện C L D, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Số 308/91B, tổ MM, khu vực B Ph B, phường L T, quận B Th, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.
49. Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1992; thường trú: Xóm B, xã Th S, huyện Đ L, tỉnh Nghệ An, vắng mặt.
50. Ông Lò Văn T, sinh năm 1997; thường trú: Xóm T T, xã X Kh, huyện M Ch, tỉnh Hòa Bình, vắng mặt.
51. Ông Hoàng Trọng V, sinh năm 1990; thường trú: Thôn Đ N, xã T H, huyện L Gi, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

52. Ông Lê Trung H, sinh năm 1998; thường trú: Thôn V N, xã V N, huyện Đ A, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân tên Tr1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến địa bàn thị xã D A, tỉnh Bình Dương với mục đích cho người khác vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Tên Tr1 nhờ ông Phạm Ngọc C đứng tên Công ty trách nhiệm hữu hạn Nh T A, có trụ sở tại địa chỉ số MNC đường M, khu phố Nh Đ 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Vào khoảng tháng 10/2017, Tru thuê Nguyễn Văn Tr vào làm quản lý, còn Nguyễn Hồng Qu và Vương Văn Đ vào làm nhân viên, sau đó ngày 06/3/2018 thuê Nguyễn Đình K vào làm nhân viên và ngày 12/3/2018, Võ Văn D được Tr nhờ quản lý.

Quá trình điều tra, được biết hình thức hoạt động cho vay của tên Tr1, Tr, Quân, Đ cùng đồng phạm là đi phát tờ rơi quảng cáo có nội dung “cho vay lãi suất thấp, thủ tục nhanh gọn và không cần tài sản thế chấp” và phát tờ rơi tại khu đông dân cư để người dân dễ liên hệ. Người vay cần vay thì chỉ cần mang theo tài sản là chiếc xe mô tô, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, giấy chứng minh nhân dân đến công ty, khi xác định giá trị chiếc xe mô tô thì các bị cáo chấp nhận cho vay số tiền tương đương với giá trị xe mô tô mang tới, đồng thời yêu cầu người vay ký tên vào giấy bán xe mô tô, sau đó ký tên vào hợp đồng thuê lại chiếc xe do chính người vay đem tới với giá thuê tương đương lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng (180%/1 năm), cao gấp 09 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/1 năm tương đương 1,666666%/1 tháng). Người vay phải ghi thông tin cá nhân vào quyển sổ, để lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, các giấy tờ tùy thân và dẫn Tr, Qu, Đ, K về xác định nơi ở nhằm phục vụ cho việc đòi nợ. Sau đó, các bị cáo giao lại xe mô tô mà những người vay mang tới thế chấp để người vay sử dụng và giao số tiền cần vay cho người vay nhưng không giao đủ mà trừ tiền lãi suất từ 10 ngày đến 30 ngày.

Quá trình điều tra, xác định được những người vay tiền của các bị cáo, cụ thể như sau:

1. Ông Phạm Thế H vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 26/01/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, tổng cộng H đóng tiền lãi tính đến ngày 16/3/2018 là 1.250.000 đồng.

2. Ông Phạm Phi H vay số tiền 11.000.000 đồng vào ngày 25/01/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, tổng cộng H đóng tiền lãi tính đến ngày 10/4/2018 là 4.180.000 đồng.

3. Ông Nguyễn Văn T vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 25/01/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, tổng cộng T đã đóng tiền lãi là 6.000.000 đồng. T còn vay trả góp với số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 18/3/2018, mỗi ngày trả số tiền 200.000 đồng trong vòng 25 ngày tương đương lãi suất 30%/1 tháng, tính tới ngày 23/3/2018, Tùng đóng tổng cộng số tiền gốc và lãi là 1.400.000 đồng (trong đó tiền gốc 1.120.000 đồng, tiền lãi 280.000 đồng).

4. Ông Bạch Văn D vay số tiền 8.000.000 đồng vào ngày 07/02/2018 với lãi suất 0,4%/1 ngày tương đương 12%/1 tháng, tổng cộng 03 lần đóng tiền lãi là 1.920.000 đồng.

5. Ông Đỗ Cúc M vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 23/01/2018 và vay số tiền 9.000.000 đồng vào ngày 24/01/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, cứ 10 ngày đóng lãi 01 lần. Tổng cộng đóng tiền lãi được 06 lần là 4.200.000 đồng.

6. Ông Trình Đức B vay số tiền 6.000.000 đồng vào ngày 23/3/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, đã giao tiền vay 5.700.000 đồng trừ 300.000 đồng đóng lãi trước 10 ngày đầu tiên, đã đóng tiền lãi là 300.000 đồng.

7. Ông Nguyễn Thế T vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 10/02/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, tính đến ngày 01/3/2018 đóng tiền lãi 02 lần là 2.000.000 đồng.

8. Ông Nguyễn Nhật Tr vay số tiền 12.000.000 đồng vào ngày 04/3/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, tính đến ngày 23/3/2018 đã đóng tiền lãi 1.200.000 đồng.

9. Bà Hồ Thị Bích L vay số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 09/01/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, đóng tiền lãi được 04 lần là 6.000.000 đồng.

10. Ông Nguyễn Văn C vay số tiền 17.000.000 đồng vào ngày 10/01/2018 và vay thêm số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 13/01/2018, tổng cộng vay 20.000.000 đồng với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng. Tính đến ngày 24/3/2018, C đóng tiền lãi 7.000.000 đồng.

11. Ông Lê Thành Đạt vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 02/3/2018 và vay thêm số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 12/3/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng. Tính đến ngày 21/3/2018, Đạt đã đóng tiền lãi là 950.000 đồng.

12. Bà Phạm Thị B vay số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 04/01/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng, tính đến ngày 30/01/2018, B đã đóng lãi số tiền 1.050.000 đồng. Đến ngày 30/01/2018, B trả bớt số tiền vay là 4.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng xin trả góp trong vòng 20 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng với lãi suất 50%/1 tháng. Tổng số tiền B trả góp là 4.000.000 đồng trong đó lãi suất là 1.000.000 đồng. B tiếp tục vay thêm số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 23/02/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng và đã đóng tiền lãi 1.400.000 đồng. Tổng cộng B đã đóng tiền lãi các lần vay 3.450.000 đồng.

13. Ông Nguyễn Bình D vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 06/01/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng D đã đóng tiền lãi là 2.450.000 đồng.

14. Ông Tạ Văn L vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 19/3/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, đóng tiền lãi 20 ngày là 500.000 đồng.

15. Ông Nguyễn Chí T vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 05/01/2018 và T tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 13/3/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng. Tổng cộng đóng tiền lãi là 4.000.000 đồng.

16. Bà Hoàng Thị Ng vay số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 01/3/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng. Tổng cộng đóng tiền lãi 2 lần là 400.000 đồng.

17. Ông Nguyễn Văn Th vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 14/01/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, 10 ngày đóng tiền lãi 1 lần. Tổng cộng đã đóng tiền lãi 7 lần là 3.500.000 đồng.

18. Ông Nguyễn Ngọc M vay số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 31/01/2018 với lãi suất 15%/1 tháng. Tổng cộng đã đóng tiền lãi 2 lần là 4.500.000 đồng.

19. Ông Nguyễn Hữu T vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 16/01/2018 và tiếp tục vay thêm số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 28/01/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng. Tổng cộng đã đóng tiền lãi là 3.100.000 đồng.

20. Ông Lê Bé B vay số tiền 8.000.000 đồng vào ngày 12/02/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng B đã đóng tiền lãi 2.000.000 đồng.

21. Ông Trần Ngọc T vay số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 13/01/2018 và tiếp tục vay thêm 2.000.000 đồng vào ngày 26/02/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng T đã đóng tiền lãi của 02 lần vay là 5.775.000 đồng.

22. Ông Trương Văn Ng vay số tiền 8.000.000 đồng vào ngày 11/01/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng Ng đã đóng lãi 02 lần với số tiền 2.400.000 đồng.

23. Ông Hoàng Văn Ngh vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 11/01/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng Nghĩa đã đóng tiền lãi 03 lần là 4.500.000 đồng.

24. Bà Lâm Thị Thùy Gi vay 12.000.000 đồng vào ngày 13/01/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng Gi đã đóng tiền lãi 06 lần với số tiền 3.600.000 đồng.

25. Ông Đỗ Văn M vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 29/01/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng M đã đóng tiền lãi 05 lần với số tiền 2.500.000 đồng.

26. Ông Hà Văn H vay số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 30/01/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng H đã đóng tiền lãi là 1.200.000 đồng.

27. Ông Khương Ngọc T vay số tiền 8.000.000 đồng vào ngày 04/02/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng T đóng tiền lãi là 3.200.000 đồng.

28. Ông Nguyễn Bảo Qu vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 13/3/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng Qu đã đóng tiền lãi 750.000 đồng.

29. Bà Phạm Thị Thùy D vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 18/3/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng D đã đóng tiền lãi là 500.000 đồng.

30. Ông Trần Quốc L vay số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 09/3/2018 và Long tiếp tục vay 13.000.000 đồng vào ngày 17/3/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng L đã đóng tiền lãi là 1.400.000 đồng.

31. Ông Cao Xuân Đ vay số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 20/3/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng Đ đã đóng tiền lãi 10 ngày số tiền là 100.000 đồng.

32. Bà Phan Thị Mỹ H vay số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 08/3/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng H đã đóng tiền lãi 2.500.000 đồng.

33. Ông Nguyễn Tấn H vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 27/02/2018 với lãi suất 15%/tháng. Tổng cộng đã đóng tiền lãi 750.000 đồng.

34. Bà Nguyễn Thị D vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 28/02/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng D đã đóng tiền lãi là 1.500.000 đồng.

35. Ông Cao Kim L vay số tiền 17.000.000 đồng vào ngày 02/3/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng L đã đóng tiền lãi 03 lần với số tiền 2.550.000 đồng.

36. Ông Hà Văn H vay số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 16/3/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng đã đóng số tiền lãi là 350.000 đồng.

37. Ông Lang Văn B vay số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 10/3/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng B đã đóng tiền lãi 1.500.000 đồng.

38. Ông Nguyễn Đình Ngh vay số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 23/02/2018 với lãi suất 15%/tháng. Tổng cộng Ngh đã đóng tiền lãi 30 ngày là 1.050.000 đồng.

39. Ông Nguyễn Quý Th vay số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 20/3/2018 với lãi suất 0,8571%/ngày tương đương 25,714%/1 tháng và vay thêm số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 0,7%/ngày tương đương 21%/1 tháng. Tổng cộng Th đã tiền đóng là 950.0000 đồng.

40. Bà Vy Thị H vay số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 26/02/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng. Tổng cộng H đóng tiền lãi là 4.000.000 đồng.

41. Ông Trần Thị Sơn Tr vay số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 10/01/2018 và vay thêm số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 22/01/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng. Tổng cộng Tr đã đóng tiền lãi 7.625.000 đồng.

42. Bà Huỳnh Thị Cẩm Nh vay số tiền 8.000.000 đồng vào ngày 17/01/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, Nh đã đóng tiền lãi là 800.000 đồng và Nh tiếp tục vay số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 14/3/2018 với lãi suất 0,5%/1 ngày tương đương 15%/1 tháng, đóng tiền lãi 10 ngày là 350.000 đồng. Tổng cộng Nh đã đóng tiền lãi là 1.150.000 đồng.

43. Bà Trương Thị Thu V vay số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 20/01/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng V đã đóng số tiền lãi là 2.450.000 đồng.

44. Bà Lê Văn Ph vay số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 24/02/2018 với lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 15%/tháng. Tổng cộng Ph đã đóng tiền lãi được 03 lần là 600.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo cùng đồng phạm cho vay là 504.000.000 đồng, đã thu tiền lãi của những người đến vay tổng cộng 112.080.000 đồng (trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 20% /1 năm tổng số tiền 12.204.816 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lấy lãi nặng trong giao dịch dân sự là 99.875.184 đồng).

Đối với tên Tr1 chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đang tiếp tục xác minh, khi nào rõ sẽ xử lý sau.

Đối với ông Phạm Ngọc C đứng tên đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Nh T A không biết và không liên quan đến hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A không đề cập xử lý.

Đối với Võ Văn D, Nguyễn Đình K đã có hành vi phụ giúp tên Tr1 cho người khác vay tiền để lấy tiền lãi nhưng mới vào làm, do đó hành vi không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A không xử lý hình sự.

Đối với Võ Văn D, Lê Trung H, Lò Văn T, Nguyễn Công C, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Trọng V, Hoàng Văn H, Vương Văn C, Hoàng Đình T đã có hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xảy ra tại địa bàn thị xã Th A, tỉnh Bình Dương; thành phố Th D M, tỉnh Bình Dương; thị xã T U, tỉnh Bình Dương Bình nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A đã chuyển công văn đề nghị tiếp nhận xử lý theo thẩm quyền.

Đối với các điện thoại di động do bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Hồng Qu, Vương Văn Đ sử dụng vào việc phạm tội, hiện không thu hồi được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A không đề cập xử lý.

Đối với các giấy tờ xe mô tô, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mô tô của người vay hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A tách riêng, tiếp tục làm rõ, sẽ xử lý sau.

* Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen biển số: 83D1-007.64, số máy HC09E6063205, số khung 9006Y063168; 01 (một) đầu CPU hiệu Emaster; số tiền 56.000.000 đồng và 50 (năm mươi) tờ rơi có nội dung quảng cáo về việc cho vay.

Tại Bản cáo trạng số 167/CT-VKS ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Vương Văn Đ và Nguyễn Hồng Qu phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Vương Văn Đ và Nguyễn Hồng Qu theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn

Văn Tr từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ của Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương thành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Vương Văn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ của Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương thành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm cải tạo không giam giữ và xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Qu từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, tổng hợp hình phạt 02 năm cải tạo không giam giữ của Bản án hình sự sơ thẩm số 238/2018/HS-ST ngày 05/09/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương thành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm cải tạo không giam giữ. Đồng thời phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Vương Văn Đ và Nguyễn Hồng Qu, mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen biển số: 83D1-007.64, số máy HC09E6063205, số khung 9006Y063168 do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) đầu CPU hiệu Emaster do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội đề nghị tịch thu vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 56.000.000 đồng đã thu giữ của những người vay đến trả lãi cho các bị cáo, cần quản thủ để đảm bảo cho việc tuyên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước từ việc thu lợi bất chính mà có.

- Đối với 50 (năm mươi) tờ rơi có nội dung quảng cáo về việc cho vay do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, hiện không có giá trị nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

* Về biện pháp tư pháp: Tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Hồng Qu, Vương Văn Đ liên đới nộp số tiền 99.875.161 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước là tiền thu lợi bất chính, được khấu trừ số tiền đã quản thủ là 56.000.000 đồng, các bị cáo còn phải liên đới nộp số tiền 43.875.184 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đồng thời các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2018 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Nh T A, có trụ sở số MNC đường M, khu phố Nh Đ 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn Tr, Vương Văn Đ và Nguyễn Hồng Qu phụ giúp cho tên Tr1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thực hiện

giao dịch dân sự cho 44 cá nhân vay gồm Phạm Thế H, Phạm Phi H, Nguyễn Văn T, Bạch Văn D, Đỗ Cúc M, Trình Đức B, Nguyễn Thế T, Nguyễn Nhật Tr, Hồ Thị Bích L, Nguyễn Văn C, Lê Thành Đ, Phạm Thị B, Nguyễn Bình D, Tạ Văn L, Nguyễn Chí T, Hoàng Thị Ng, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Hữu T, Lê Bé B, Trần Ngọc T, Trương Văn Ng, Hoàng Văn Ngh, Lâm Thị Thùy Gi, Đỗ Văn M, Hà Văn H, Khương Ngọc T, Nguyễn Bảo Qu, Phạm Thị Thùy D, Trần Quốc L, Cao Xuân Đ, Phan Thị Mỹ H, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Thị D, Cao Kim L, Hà Văn H, Lang Văn B, Nguyễn Đình Ngh, Nguyễn Quý Th, Vy Thị H, Trần Thị Sơn Tr, Huỳnh Thị Cẩm Nh, Trương Thị Thu V, Lê Văn Ph với tổng số tiền 504.000.000 đồng nhằm thu tiền lãi suất cao trên 180%/1 năm, vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định 20%/1 năm (gấp 09 lần) để thu lợi bất chính với tổng số tiền 99.875.184 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì “Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

[2] Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Vương Văn Đ, Nguyễn Hồng Qu cho vay với lãi suất gấp hơn 05 lần của mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 99.875.184 đồng đã đủ yếu tố cấu thành về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 167/CT-VKS ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Vương Văn Đ, Nguyễn Hồng Qu là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Vương Văn Đ, Nguyễn Hồng Qu thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn. Gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu công đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo cố tình thực hiện. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện các bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội Bất, giữ người trái pháp luật (cùng với thời điểm thực hiện hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự) nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Xét các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, hành vi các các bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, gây mất trật tự tại và gây ảnh hưởng xấu công đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội tại địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tạo điều kiện cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú đồng thời có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo chỉ là người lao động có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Xét 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen biển số: 83D1-007.64, số máy HC09E6063205, số khung 9006Y063168 do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả và đối 01 (một) đầu CPU hiệu Emaster do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu vào Ngân sách Nhà nước.

- Xét số tiền 56.000.000 (năm mươi sáu triệu) đồng đã thu giữ của những người vay đến trả lãi cho các bị cáo, cần quản thủ để đảm bảo cho việc tuyên tịch thu vào Ngân sách Nhà nước.

- Xét 50 (năm mươi) tờ rơi có nội dung quảng cáo về việc cho vay do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, hiện không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về biện pháp tư pháp:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Hồng Qu, Vương Văn Đ liên đới nộp số tiền 99.875.184 đồng là tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã quản thủ là 56.000.000 đồng, các bị cáo còn phải tiếp tục liên đới nộp số tiền 43.875.184 đồng để tịch thu vào Ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với tên Tr1 chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A đang tiếp tục xác minh, khi nào rõ sẽ xử lý sau; đối với ông

Phạm Ngọc C đứng tên đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Nh T A không biết và không liên quan đến hành vi tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A không đề cập xử lý; đối với Võ Văn D, Nguyễn Đình K đã có hành vi phụ giúp tên Trường cho người khác vay tiền để lấy tiền lãi nhưng mới vào làm, do đó hành vi không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A không xử lý hình sự và đối với Võ Văn D, Lê Trung H, Lò Văn T, Nguyễn Công C, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Trọng V, Hoàng Văn H, Vương Văn C, Hoàng Đình T đã có hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xảy ra tại địa bàn thị xã Th A, tỉnh Bình Dương; thành phố Th D M, tỉnh Bình Dương; thị xã T Uy, tỉnh Bình Dương Bình nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D A đã chuyển công văn đề nghị tiếp nhận xử lý theo thẩm quyền; đối với các điện thoại di động do bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Hồng Qu, Vương Văn Đ sử dụng vào việc phạm tội, hiện không thu hồi được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không đề cập xử lý và đối với các giấy tờ xe mô tô, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mô tô của người vay hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An tách riêng, tiếp tục làm rõ, sẽ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[13] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[15] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Vương Văn Đ và Nguyễn Hồng Qu phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ theo Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HSST ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương thành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã M L, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã M L, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Tr 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Vương Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ theo Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HSST ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương thành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã U N, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã U N, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Vương Văn Đ 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Qu 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ theo Bản án hình sự sơ thẩm số 238/2018/HSST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương thành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã X N, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân X N, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hồng Qu 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen biển số: 83D1-007.64, số máy HC09E6063205, số khung 9006Y063168 (xe không hoạt động, không kiểm tra tình trạng); 01 (một) đầu CPU hiệu Emaster (được niêm phong).

- Tịch thu tiêu hủy 50 (năm mươi) tờ rơi có nội dung cho vay.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Hồng Qu, Vương Văn Đ liên đới nộp số tiền 99.875.184 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã quản thủ là 56.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 01106 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, các bị

cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Hồng Qu, Vương Văn Đ còn phải tiếp tục liên đới nộp 43.875.184 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Hồng Qu, Vương Văn Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (05);
- Chi cục THA thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (55);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (03);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công

